

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 117/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2018

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

2- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lân-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1446/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Đặng Thị Lệ H**; Sinh năm: 1975.

Địa chỉ: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Bị đơn:*** Ông **Châu Văn P**, Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Lệ H trình bày:

Bà và ông Châu Văn P chung sống với nhau vào năm 1993 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh năm 1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập vợ con, không chăm lo cho gia đình. Nhiều lần khuyên giải không được nên bà quyết định nộp đơn ly hôn tại Tòa để trả tự do cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông P có 03 con chung tên Châu Văn T (sinh ngày 06/10/1994, đã trưởng thành), Châu Thanh L (sinh ngày 10/11/1998, đã trưởng thành) và trẻ Châu Thanh P (sinh ngày 11/10/2005). Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Phát, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định quá trình chung sống bà và ông P không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Châu Văn P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Lệ H. Về con chung: Giao trẻ Châu Thanh P (sinh ngày 11/10/2005) cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đặng Thị Lệ H và ông Châu Văn P chung sống với nhau năm 1993, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông P. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện B,

theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện B đã thực hiện các thủ tục tố tụng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông P. Tại phiên tòa hôm nay ông P vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo trích lục kết hôn số 969/LKH-BS ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã P thì bà Đặng Thị Lệ H và ông Châu Văn P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (Số 07/1997 ngày 09/7/1997).

Căn cứ công văn số 1178/UBND ngày 05/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã P thì hiện nay bà H và ông P không còn chung sống với nhau, bà H thuê trọ sinh sống tại ấp 4 xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông P vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà H, điều này cho thấy ông P không có thiện chí hàn gắn, không muốn gia đình đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông P có 03 con chung là Châu Văn T (sinh ngày 06/10/1994, đã trưởng thành), Châu Thanh L (sinh ngày 10/11/1998, đã trưởng thành) và trẻ Châu Thanh P (sinh ngày 11/10/2005). Hiện nay trẻ P đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H cũng có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ P. Do đó nghĩ giao trẻ P cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Phần cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Lệ H đối với ông Châu Văn P. Bà Đặng Thị Lệ H được ly hôn với ông Châu Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07/1997 ngày 09/7/1997 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Châu Thanh P (sinh ngày 11/10/2005) cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông P có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) do ông Khải đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0031012 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

Nguyễn Thị Ngọc Châu